



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM

TỔ THANH LÝ TÀI SẢN

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

GÓI THẦU: CN-00-TL-RFQ-2609

TÊN GÓI THẦU: Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư, thiết bị hư hỏng, tồn kho lâu năm, không còn sử dụng tại các dự án công nghiệp trên bờ của Tổng công ty PTSC

				
A	08/10/2026	Nguyễn Tiến Định	Nguyễn Văn Minh	Nguyễn Khắc Dũng
Rev	Ngày	Soạn thảo	Soát xét	Phê duyệt

PHẦN 1 – CHỈ DẪN DÀNH CHO NHÀ THẦU

1. Thông tin gói thầu

- Số gói thầu: CN-00-TL-RFQ-2609;
- Tên gói thầu: Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư, thiết bị hư hỏng, tồn kho lâu năm, không còn sử dụng tại các dự án công nghiệp trên bờ của Tổng công ty PTSC;
- Bên mời chào giá: Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Địa điểm thực hiện: Số 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phạm vi công việc

- Tài sản thanh lý là các vật tư dư thừa, trang thiết bị, công cụ dụng cụ, công cụ quản lý tại các dự án công nghiệp trên bờ của Tổng công ty PTSC (“Tài sản thanh lý/TSTL”) như được liệt kê tại Phụ lục I;
- Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát, đánh giá và lên kế hoạch chào giá cho toàn bộ danh mục TSTL tại địa điểm thực hiện nêu trên;
- Khối lượng, số lượng và tình trạng từng hạng mục TSTL đã được Bên mời chào giá kiểm kê tính đến ngày 31/12/2025. Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát, kiểm đếm và chịu trách nhiệm về khối lượng, số lượng cũng như tình trạng của mỗi TSTL khi tiến hành chào giá;
- Nhà thầu chịu trách nhiệm thu xếp thiết bị nâng hạ, bốc xếp TSTL tại địa điểm thực hiện lên phương tiện vận chuyển cũng như việc thuê/ sắp xếp phương tiện vận chuyển để vận chuyển TSTL từ địa điểm thực hiện về kho của Nhà thầu sau khi trúng thầu;
- Tổng công ty PTSC thanh lý toàn bộ danh mục TSTL tại Phụ lục I theo khối lượng/đơn vị tính là “Lô” và không tách rời để thanh lý từng hạng mục. Nhà thầu trúng thầu có trách nhiệm tiếp nhận, bốc xếp và vận chuyển toàn bộ TSTL, hoàn trả mặt bằng kho sạch tại địa điểm thực hiện cho Tổng công ty PTSC;
- Nhà thầu chịu trách nhiệm liên quan đến mọi chi phí, lệ phí ..., hay trách nhiệm pháp lý có liên quan đến việc xin giấy phép, xử lý TSTL, tiêu hủy TSTL và/hoặc tái sử dụng theo luật định;
- Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm liên quan đến an toàn, bảo hiểm, con người ... trong quá trình bốc xếp, vận chuyển TSTL từ địa điểm thực hiện về kho của Nhà thầu và cam kết bảo vệ, miễn trừ trách nhiệm cho Tổng công ty PTSC khỏi mọi vấn đề pháp lý có liên quan;

3. Chi phí dự chào giá

Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia chào giá, kể từ khi tham gia dự chào giá cho đến khi thông báo kết quả, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.



Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường, khảo sát tình trạng chi tiết từng hạng mục TSTL (“khảo sát hiện trường”) phục vụ cho việc lập Hồ sơ chào giá (HSCG). Bên mời chào giá tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSCG thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

4. Hồ sơ mời chào giá và giải thích làm rõ Hồ sơ mời chào giá

Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của Hồ sơ mời chào giá (“HSMCG”) để chuẩn bị Hồ sơ chào giá thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMCG thì phải gửi văn bản đề nghị đến Bên mời chào giá theo địa chỉ ghi trong thư mời chào giá (nhà thầu có thể thông báo trước cho bên mời thầu qua fax, e-mail...). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMCG, Bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu.

5. Hình thức

- Hình thức chào giá: chào giá cạnh tranh bằng phong bì kín.

6. Ngôn ngữ sử dụng

HSCG cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà thầu được sử dụng Tiếng Việt.

7. Thời hạn nộp HSCG

Thời điểm đóng thầu: **12h00 ngày 19/10/2026**

Bất kỳ tài liệu nào thuộc HSCG kể cả thư giảm giá (nếu có) nộp sau thời điểm đóng chào giá đều được xem là không hợp lệ và sẽ bị loại.

8. Thời hạn hiệu lực của HSCG

Thời gian có hiệu lực của HSCG trong vòng **45 (bốn mươi lăm)** ngày tính từ thời điểm đóng chào giá/đóng thầu. HSCG có thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định là không hợp lệ và bị loại.

9. Điều kiện giá dự chào giá:

- Giá chào bằng đồng Việt Nam, ghi rõ giá trước thuế VAT, giá trị thuế VAT và giá sau thuế VAT.
- Giá chào là giá cố định, bao gồm tất cả các chi phí, thuế liên quan nhưng chưa bao gồm thuế VAT. Nhà thầu không được chào giá theo nhiều mức giá hoặc giá có kèm theo điều kiện.
- Nhà thầu chào giá toàn bộ khối lượng TSTL theo yêu cầu.

10. Nộp chào giá

Nhà thầu nộp HSCG bằng phong bì kín như quy định tại Điều #5 theo cách thức nhấn như dưới đây và gửi về địa chỉ sau:

[THƯ CHÀO GIÁ]

GÓI THẦU: CN-00-TL-RFQ-2609

TÊN GÓI THẦU: Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư, thiết bị hư hỏng, tồn kho lâu năm, không còn sử dụng tại các dự án công nghiệp trên bờ của Tổng công ty PTSC

NGƯỜI NHẬN: ÔNG NGUYỄN TIẾN ĐỊNH

ĐỊA CHỈ: SỐ 1-5 LÊ DUÂN, P. SÀI GÒN, TP.HCM

[KHÔNG ĐƯỢC MỞ TRƯỚC THỜI ĐIỂM ĐÓNG THẦU]

11. Quyết định kết quả thanh lý

Tổng công ty PTSC giữ toàn quyền quyết định mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ điều khoản, điều kiện trong việc tiếp tục thực hiện việc thanh lý hoặc hủy bỏ việc thanh lý TSTL nêu trên. Tổng công ty PTSC sẽ gửi email thông báo kết quả tới Nhà cung cấp trúng thầu bằng email được thể hiện trong Mẫu số 1 - Đơn chào chào giá của Nhà cung cấp.

-Hết Phần 1-

Phần 2 - BIỂU MẪU CHÀO GIÁ

Mẫu số 1

ĐƠN CHÀO GIÁ

Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
(sau đây gọi là Bên mời chào giá)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số **CN-00-TL-RFQ-2609** mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu số **CN-00-TL-RFQ-2609** về việc **“Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư, thiết bị hư hỏng, tồn kho lâu năm, không còn sử dụng tại các dự án công nghiệp trên bờ của Tổng công ty PTSC”** theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với giá chào như sau:

- Tổng số tiền (trước thuế): ... VNĐ, *biểu giá chi tiết theo Biểu mẫu 1.1 đính kèm;*
- Thuế giá trị gia tăng (GTGT) 10%: ... VNĐ
- Tổng giá trị gói thầu (sau thuế): ... VNĐ
- Địa chỉ email:

Hồ sơ dự chào giá này có hiệu lực trong thời gian 45 ngày, kể từ 12 giờ, ngày tháng năm 2026.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền bản gốc; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự chào giá thì phải gửi kèm theo các văn bản này bản chụp được công chứng / chứng thực. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bản chụp, được chứng thực và bản gốc các văn bản này.

Biểu số 1.1 - Chào giá chi tiết

STT	Miêu tả	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Vật tư, thiết bị điện	Lô	1		0
II	Sắt, thép, vật tư cơ khí	Lô	1		0
III	Thiết bị văn phòng	Lô	1		0
IV	Nội thất văn phòng	Lô	1		0
V	Thiết bị sinh hoạt	Lô	1		0
VI	Thiết bị khác	Lô	1		0
VII	Tổng cộng, chưa bao gồm thuế GTGT				0
VIII	Thuế GTGT				0
IX	Tổng cộng, đã bao gồm thuế GTGT				0

Ghi chú:

- Giá chào là giá trọn gói đã bao gồm toàn bộ chi phí khảo sát, bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển, xử lý tài sản và hoàn trả mặt bằng sạch.
- Nhà thầu cam kết chào giá và tiếp nhận toàn bộ danh mục tài sản thanh lý theo Phụ lục 01 mà không loại trừ, tách riêng hoặc từ chối tiếp nhận bất kỳ tài sản nào thuộc danh mục thanh lý.

HCM, ngày Tháng.... năm 2026

Đại diện Nhà thầu
(Ký tên, đóng dấu)



Phần 3 – DANH MỤC TÀI SẢN THANH LÝ
(Theo Phụ lục 01 – Danh mục tài sản thanh lý)

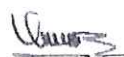


Phụ lục 01 - DANH MỤC TÀI SẢN THANH LÝ

STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
1	CCDC.DA.00001	Máy fax	Cái	1	06/2019	
2	CCDC.DA.00002	Tài khoản hệ thống quản lý thông tin công việc	Cái	1	06/2019	
3	CCDC.DA.00003	Máy in, photocopy, scan màu khổ A3-A4	Cái	1	06/2019	
4	CCDC.DA.00004	Cây nước nóng lạnh	Cái	1	06/2019	
5	CCDC.DA.00005	Màn hình máy tính 27 inch UHD	Cái	1	06/2019	
6	CCDC.DA.00006	Máy chiếu di động + màn hình	Cái	1	06/2019	
7	CCDC.DA.00007	Loa hội nghị Jabra 710	Cái	1	06/2019	
8	CCDC.DA.00008	Loa hội nghị Jabra 810	Cái	1	06/2019	
9	CCDC.DA.00009	Laptop Dell Inspiron N5584Y	Cái	2	06/2019	
10	CCDC.DA.00010	Laptop HP ENVY 13-aq0026TU	Cái	1	06/2019	
11	CCDC.DA.00011	Laptop Dell Inspiron N5593A	Cái	1	06/2019	
12	CCDC.DA.00012	Laptop ASUS ZenBook UX425JA-BM502T	Cái	1	06/2019	
13	CCDC.DA.00013	Laptop Dell Inspiron 7370 -13.3 inch	Cái	1	06/2019	
14	CCDC.DA.00014	Máy chiếu Sony VPL - DX221	Cái	2	06/2019	
15	CCDC.DA.00015	Tủ lạnh Samsung Inverter 208 lít RT19M300BGS/SV	Cái	1	06/2019	
16	CCDC.DA.00016	Tủ đựng hồ sơ	Cái	4	06/2019	
17	CCDC.DA.00017	Hộc tủ di động 3 ngăn	Cái	2	06/2019	
18	CCDC.DA.00018	Bàn làm việc	Cái	1	06/2019	
19	CCDC.DA.00019	Ghế làm việc	Cái	1	06/2019	
20	CCDC.DA.00020	Cây Nước Nóng Lạnh Toshiba RWF-W1664TV(W1) - Hàng chính hãng	Cái	1	06/2019	
21	CCDC.DA.00021	White boards phòng PM & DPM (Bảng mica) 0.8x1.2m	Cái	2	06/2019	
22	CCDC.DA.00022	Bảng từ trắng treo tường Hàn Quốc Basic Kích thước (1,2m x 1,8m) (F03N1218T200)	Cái	2	06/2019	
23	CCDC.DA.00023	Máy Lạnh LG V10ENH	Cái	1	06/2019	
24	CCDC.DA.00024	Máy đo 4 loại khí O2 + Ex + CO +H2S	Cái	1	06/2019	
25	CCDC.DA.00025	Loa kéo di động Aenos KB39U	Cái	1	06/2019	
26	CCDC.DA.00026	Máy in HP Pro M404dn	Cái	2	06/2019	
27	CCDC.DA.00027	Máy quét HP scan L2757-01Y	Cái	1	06/2019	
28	CCDC.DA.00028	Máy ép trái cây Korihome JEK-644 đỏ	Cái	1	06/2019	
29	CCDC.DA.00029	Bình thủy điện Panasonic NC-EG3000CSY 3L - Hàng chính hãng	Cái	3	06/2019	
30	CCDC.DA.00030	Bình đun siêu tốc Midea MK-17DS	Cái	1	06/2019	
31	CCDC.DA.00031	Xe đạp Martin	Cái	3	06/2019	
32	CCDC.DA.00032	Bàn chân sắt (1200*600)	Cái	3	06/2019	
33	CCDC.DA.00033	Máy nước nóng Ariston SM45PE-VN	Cái	1	06/2019	
34	CCDC.DA.00034	Tivi Samsung SMART TIVI LED SAMSUNG 4K UHD 58 INCH UA58RU7100KXXV	Cái	1	06/2019	
35	CCDC.DA.00035	Bếp hồng ngoại đôi SNK-201HGW	Cái	1	06/2019	
36	CCDC.DA.00036	Bếp Gas đôi Duxton DG-740	Cái	1	06/2019	
37	CCDC.DA.00037	Lò Vi sóng Electrolux	Cái	1	06/2019	
38	CCDC.DA.00038	Nồi cơm điện Sharp 7 lít	Cái	1	06/2019	
39	CCDC.DA.00039	Nồi cơm điện Sharp 4 lít	Cái	1	06/2019	
40	CCDC.DA.00040	Nồi lẩu điện Sunhouse SH-525L	Cái	1	06/2019	

[Signature]

STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
41	CCDC.DA.00041	Tủ đông Sanaky VH2559W1	Cái	1	06/2019	
42	CCDC.DA.00042	Quạt treo tường Midea FW40-6H	Cái	2	06/2019	
43	CCDC.DA.00043	Quạt treo tường Midea FW40-6H	Cái	1	06/2019	
44	CCDC.DA.00044	Quạt lửng Midea FTS40-17VD	Cái	2	06/2019	
45	CCDC.DA.00045	Quạt treo tường Midea FW40-6H	Cái	1	06/2019	
46	CCDC.DA.00046	Quạt lửng Asia A16009-DV1	Cái	2	06/2019	
47	CCDC.DA.00047	Giường tầng sắt 1.2*2m sơn tĩnh điện	Cái	4	06/2019	
48	CCDC.DA.00048	Giường gỗ xoan đào 1.8*2m	Cái	1	06/2019	
49	CCDC.DA.00050	Màn hình điện 96" x 96"	Cái	1	06/2015	
50	CCDC.DA.00059	Máy in A3 HP laser pro M706N	Cái	1	06/2015	
51	CCDC.DA.00061	Máy in Canon 2900	Cái	1	06/2015	
52	CCDC.DA.00065	Switch Cisco 48 cổng	Cái	2	06/2015	
53	CCDC.DA.00066	Switch 24 cổng SN FOC1930 Y3K1	Cái	1	06/2015	
54	CCDC.DA.00067	Switch Draytech Vigor	Cái	1	06/2015	
55	CCDC.DA.00070	Tủ thoại MDF	Cái	1	06/2015	
56	CCDC.DA.00074	Micro không dây	Cái	2	06/2015	
57	CCDC.DA.00076	Máy đo nồng độ cồn CA 200D	Cái	1	06/2015	
58	CCDC.DA.00077	Loa trợ giảng SHUKE SK388	Cái	1	06/2015	
59	CCDC.DA.00078	Loa phóng thanh cầm tay TOA ER-1215	Cái	1	06/2015	
60	CCDC.DA.00079	Loa phóng thanh đeo vai TOA ER-2230W	Cái	1	06/2015	
61	CCDC.DA.00083	Kết sắt Hòa phát KA72	Cái	1	06/2015	
62	CCDC.DA.00084	Bảng từ viết bút lông chống lóa Hàn Quốc	Cái	1	06/2015	
63	CCDC.DA.00085	Tủ sắt đựng giấy dép 18 ngăn	Cái	2	06/2015	
64	CCDC.DA.00089	Bàn inox can-teen	Cái	2	06/2015	
65	CCDC.DA.00091	Bàn phòng họp lớn	Cái	2	06/2015	
66	CCDC.DA.00092	Bàn phòng họp nhỏ	Cái	6	06/2015	
67	CCDC.DA.00093	Quạt công nghiệp	Cái	1	06/2015	
68	CCDC.DA.00094	Cây nóng lạnh Sanyo	Cái	1	06/2019	
69	CCDC.DA.00097	Máy chiếu Panasonic LB300A	Cái	1	06/2015	
70	CCDC.DA.00098	Giường inox y tế	Cái	1	06/2015	
71	CCDC.DA.00100	Xe đẩy inox y tế nhỏ	Cái	1	06/2015	
72	CCDC.DA.00101	Cán mềm y tế	Cái	1	06/2015	
73	CCDC.DA.00102	Bình oxy y tế	Cái	2	06/2015	
74	CCDC.DA.00105	Đèn soi họng	Cái	1	06/2015	
75	CCDC.DA.00108	Thiết bị lưu nguồn UPS 3000 VA	Cái	1	06/2015	
76	CCDC.DA.00114	Bộ tủ thờ thần tài, ông địa	Bộ	1	06/2015	
77	CCDC.DA.00115	Thiết bị hội nghị truyền hình Cisco (Thiết bị đầu cuối + Camera)	Bộ	1	06/2015	
78	CCDC.DA.00118	Máy in màu khổ A3 HL-T4000DW	Cái	1	12/2019	
79	CCDC.DA.00120	Máy điều hòa 1,5HP	Cái	9	12/2019	
80	CCDC.DA.00121	Quạt hút gắn tường	Cái	20	12/2019	
81	CCDC.DA.00122	Wifi (Cisco WAP150-E-K9-EU - WAP150-E-K9-EU)	Cái	3	12/2019	
82	CCDC.DA.00123	Ghế phòng họp VT1K- màu K17, chân sơn	Bộ	159	12/2019	
83	CCDC.DA.00124	Bàn nhân viên kiểu AT-1200SHL - màu M1	Cái	60	12/2019	
84	CCDC.DA.00125	Bàn nhân viên kiểu AT-1200SHL - màu như bàn trưởng phòng	Cái	6	12/2019	
85	CCDC.DA.00126	Bàn phòng lãnh đạo DA ET1400B	Cái	1	12/2019	

STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
86	CCDC.DA.00127	Bàn phòng lãnh đạo DA ET1600M	Cái	4	12/2019	
87	CCDC.DA.00130	Ghế phòng Lãnh đạo DA SG704B	Cái	4	12/2019	
88	CCDC.DA.00131	Bàn họp nhỏ ATH4012CN-MS717W	Cái	2	12/2019	
89	CCDC.DA.00132	Bàn họp nhỏ kiểu ATH1810CN-màu MS717W (phòng trưởng nhóm)	Cái	4	12/2019	
90	CCDC.DA.00133	Máy điều hòa 1,5HP Khu nhà ở	Cái	12	12/2019	
91	CCDC.DA.00134	Máy điều hòa 1,5HP Khu nhà ăn VIP	Cái	2	12/2019	
92	CCDC.DA.00135	Wifi (Cisco WAP150-E-K9-EU - WAP150-E-K9-EU)	Bộ	2	12/2019	
93	CCDC.DA.00136	Quạt treo tường nhà Căn tin	Cái	12	12/2019	
94	CCDC.DA.00137	Quạt công nghiệp nhà căn tin	Cái	2	12/2019	
95	CCDC.DA.00138	Ti vi 32"	Cái	12	12/2019	
96	CCDC.DA.00139	Bàn ăn Căn tin (loại 6 người ngồi)	Cái	20	12/2019	
97	CCDC.DA.00140	Ghế nhà ăn Căn tin	Cái	90	12/2019	
98	CCDC.DA.00141	Giường sắt 1mx2m cho kỹ sư	Cái	40	12/2019	
99	CCDC.DA.00142	Tủ quần áo kỹ sư 2 cánh (2 người)	Cái	22	12/2019	
100	CCDC.DA.00143	Bộ Nệm, Ra giường, mềm, gối cho Kỹ sư	Bộ	40	12/2019	
101	CCDC.DA.00144	Giường gỗ cho phòng lãnh đạo	Cái	2	12/2019	
102	CCDC.DA.00145	Bộ Nệm, Ra giường mềm, gối cho phòng lãnh đạo BDA	Bộ	2	12/2019	
103	CCDC.DA.00147	Máy giặt Aqua	Cái	2	12/2019	
104	CCDC.DA.00148	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
105	CCDC.DA.00149	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
106	CCDC.DA.00150	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
107	CCDC.DA.00151	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
108	CCDC.DA.00152	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
109	CCDC.DA.00153	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
110	CCDC.DA.00154	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
111	CCDC.DA.00155	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
112	CCDC.DA.00156	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
113	CCDC.DA.00157	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
114	CCDC.DA.00158	Máy tính Laptop Dell Inspiron 5490 - 70196706	Cái	1	12/2019	
115	CCDC.DA.00159	Asus Zenbook UX333FA	Cái	1	12/2019	
116	CCDC.DA.00160	Asus Zenbook UX333FA	Cái	1	12/2019	
117	CCDC.DA.00161	Tủ đựng hồ sơ	Cái	2	12/2019	
118	CCDC.DA.00162	Hộc tủ di động 3 ngăn	Cái	2	12/2019	
119	CCDC.DA.00163	Tủ locker sắt 20 ngăn	Cái	1	12/2019	
120	CCDC.DA.00164	Thùng rác nhựa HDPE 240 lít, 2 bánh xe	Cái	3	12/2019	
121	CCDC.DA.00165	Camera IP Dome hồng ngoại	Cái	6	12/2019	
122	CCDC.DA.00168	Máy pha cà phê Delonghi EC685	Cái	1	12/2019	
123	CCDC.DA.00171	Máy đo thân nhiệt OMRON	Cái	1	12/2019	

Handwritten signature and stamp

STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
124	CCDC.DA.00172	Bảng viết khung nhôm ốp alu mặt kính	Cái	3	12/2019	
125	CCDC.DA.00173	Thép tấm kt: 12x2290x2080, 12x2000x5270	Tấm	2	08/2015	
126	CCDC.DA.00178	Bơm chìm IHP 240V AC	Cái	2	08/2015	
127	CCDC.DA.00179	U-BOLT M16 for 8" c/w sheath. ASTM A36 GALVANIZED Sheath - NEOPRENE	Bộ	42	08/2015	
128	CCDC.DA.00182	Ứng cao su cách điện cao áp 22KV, chất liệu chế tạo từ cao su tổng hợp, Việt Nam	Đôi	3	08/2015	
129	CCDC.DA.00183	Găng tay cao su cách điện cao áp 22KV, chất liệu chế tạo từ cao su tổng hợp, EU/G7	Đôi	2	08/2015	
130	CCDC.DA.00184	Thảm cách điện	Cái	20	08/2015	
131	CCDC.DA.00186	Bình chữa cháy dạng bột 4Kg	Cái	1	08/2015	
132	CCDC.DA.00187	Đèn pin lớn loại 2 pin, china	Cái	7	08/2015	
133	CCDC.DA.00188	Khoá MCCB loại cho cần gạt tiêu chuẩn, Model 491B, Master Lock/China	Cái	73	08/2015	
134	CCDC.DA.00189	Phích cắm di động 16A, 220V-250V, IP44, 2P+1E, PN BEK-013, Bekonec/Ý	Cái	4	08/2015	
135	CCDC.DA.00190	PIPE SEMPERIT 1/2" 4SP (420bar / 6090psi), with connector 1/2 NPT male cacbon Steel, 20mL/set, Semperit Austria/Thailand + 02 Female connector size 1/2" X 1/2" NPT F, SS316, PIN: SS- 810-7-8, Swagelok/EU /G 7	Cuộn	1	08/2015	
136	CCDC.DA.00191	Dụng Cụ Yte (Đồ cứu Thương, Đồ nẹp chân)	Bộ	2	08/2015	
137	CCDC.DA.00192	1.1/2" PIPE ASME SCH160 PE SMLS A106-B, ASME B36.10M, 6000/Length HN: J7L7186	Ống	1	08/2015	
138	CCDC.DA.00193	2" PIPE ASME XS BE SMLS API5L-B- PSL.2, 6000/Length HN: J6KB706	Ống	2	08/2015	
139	CCDC.DA.00194	1.1/2" FLANGE SW SCH160 RF 600# A105, ASME B16.5 HN: B37A4	Cái	4	08/2015	
140	CCDC.DA.00195	Xà gỗ thi công kho lạnh dư	thanh	6	08/2015	
141	CCDC.DA.00196	Rổ chứa vật tư	Cái	10	08/2015	
142	CCDC.DA.00197	Cuộn nilong	Cuộn	3	08/2015	
143	CCDC.DA.00198	Dây áp lực 1/2" x 15 m	Cuộn	3	08/2015	
144	CCDC.DA.00199	Dây áp lực 1/2" x 25 m	Cuộn	5	08/2015	
145	CCDC.DA.00200	Dây hot oil 2"	Cuộn	6	08/2015	
146	CCDC.DA.00201	Dây hơi gió đá, 100M/cuộn Model: PN-1/4 -RG	Cuộn	1	08/2015	
147	CCDC.DA.00202	Kim hàn 500amp	cái	4	08/2015	
148	CCDC.DA.00203	Đá chà bóng	cái	4	08/2015	
149	CCDC.DA.00204	Đá cắt a30 kt: 355x3x25.4	cái	9	08/2015	
150	CCDC.DA.00205	Đồng hồ ga	cái	2	08/2015	
151	CCDC.DA.00206	Lưỡi cắt gỗ, thép không gỉ, 184mm	cái	1	08/2015	
152	CCDC.DA.00207	Ống nhựa HPDE, FI 32	m	30	08/2015	
153	CCDC.DA.00208	Thép tấm kt: 8x6000x1500	Tấm	1	08/2015	

STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
154	CCDC.DA.00209	Dầm thép phế liệu	Cái	14	08/2015	
155	CCDC.DA.00210	Ổng nhựa Bình Minh Ø21, dài 4m	Ổng	50	08/2015	
156	CCDC.DA.00211	Kệ chứa vật tư	Kệ	2	08/2015	
157	CCDC.DA.00212	Một số công cụ dụng cụ nhà kho bao gồm: Thang nhôm, rổ nhựa, gỗ kê, xà cạy, búa, cờ lê...	Thùng	1	08/2015	
158	CCDC.DA.00215	Vỏ tủ Server	Cái	1	08/2015	
159	CCDC.DA.00216	Trụ Barrier	Cái	1	08/2015	
160	CCDC.DA.00219	Ghế nấu chân không xoay	Cái	1	08/2015	
161	CCDC.DA.00221	Kệ 4 tầng treo inox	Cái	2	08/2015	
162	CCDC.DA.00222	Xe phơi khay inox	Cái	1	08/2015	
163	CCDC.DA.00223	Bình chữa cháy	Cái	8	08/2015	
164	CCDC.DA.00224	Dây đeo an toàn	Cái	10	08/2015	
165	CCDC.DA.00225	Quạt điện công nghiệp 220V AC	Cái	2	08/2015	
166	CCDC.DA.00228	Bộ đàm Motorola	Cái	8	08/2015	
167	CCDC.DA.00229	Loa cầm tay	Cái	2	08/2015	
168	CCDC.DA.00231	Bộ lưu điện APC Smart UPS RT3000 VA 230V	Cái	1	08/2015	
169	CCDC.DA.00233	Bộ kiểm tra chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm	Bộ	1	08/2015	
170	CCDC.DA.00245	Máy quay phim Flycam Phantom 3	Cái	1	08/2015	
171	CCDC.DA.00263	Dự án GPP Cà Mau - Máy chiếu Panasonic PT-LB360	Cái	1	08/2015	
172	CCDC.DA.00264	DA GPP Cà Mau - Máy tính xách tay HP Elitebook HP	Cái	1	08/2015	
173	CCDC.DA.00265	DA GPP Cà Mau - Máy tính xách tay HP Elitebook HP	Cái	1	08/2015	
174	CCDC.DA.00266	DA GPP Cà Mau - Máy tính xách tay HP Elitebook HP	Cái	1	08/2015	
175	CCDC.DA.00267	DA GPP Cà Mau - Máy tính xách tay HP Elitebook HP	Cái	1	08/2015	
176	CCQL547	Dự án NH3 - Thiết bị hội nghị truyền hình Cisco CTS - SX20 - PHD	Cái	1	06/2015	
177	CCQL548	Dự án GPP Cà Mau - Máy lạnh Mitsubishi Heavy 18CL	Cái	1	08/2015	
178	CCQL549	Dự án GPP Cà Mau - Máy Photocopy Ricoh MP4054SP	Cái	1	08/2015	
179	CCQL550	Dự án GPP Cà Mau - Máy Photocopy Ricoh MP 4054SP	Cái	1	08/2015	
180	CCQL558	Dự án GPP Cà Mau - Bộ định tuyến Cisco 2921-V/K9	Cái	1	08/2015	
181	CCQL559	Dự án GPP Cà Mau - Thiết bị tường lửa Fortinet Fortigate 100D	Cái	1	08/2015	
182	CCQL560	Dự án GPP Cà Mau - Thiết bị cân bằng tải Peplink Balance 380 BPL380	Cái	1	08/2015	
183	CCQL561	Dự án GPP Cà Mau - Thiết bị mạng WS-C2960X-24TS-L	Cái	1	08/2015	
184	CCQL564	Dự án GPP Cà Mau - Hệ thống camera giám sát LG LNU7210R	Cái	1	08/2015	
185	CCQL568	Phần mềm Smart 3D	Cái	1	08/2015	
186	CCQL573	Dự án NH3/NPK - Máy sắc tím tự động, Model: Heartstar FRx, Hãng Philips, Mỹ	Cái	1	06/2015	

STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
187	CCQL574	Dự án NH3 - Điện thoại chống cháy nổ Ex-Handy 09 và Bao máy LC H09 số A0050302	Cái	1	06/2015	
188	CCQL575	Dự án NH3 - Điện thoại chống cháy nổ Ex-Handy 09 và Bao máy LC H09 số A0050302	Cái	1	06/2015	
189	CCQL715	Dự án EPC LNGTV- Container Toilet 20" và hầm thải	Cái	1	06/2019	
190	CCQL716	Dự án EPC LNGTV - Máy Photocopy Ricoh MP 2701	Cái	1	06/2019	
191	CCQL721	Dự án EPC LNGTV-Laptop HP Spectre X360 13 i7(Nguyễn Xuân Tuấn - Deputy GM)	Cái	1	06/2019	
192	CCQL722	Dự án Tổ hợp hoá dầu Miền Nam (LSP) Long Sơn-Máy photo Ricoh MP 3055SP	Cái	1	12/2019	
193	CCQL743	DA GPPCM. Điện thoại chống cháy nổ Smart Ex01	Cái	1	08/2015	
194	Chưa có mã	Motor (mô tơ dự phòng), Nhân hiệu: BARTEC. Model: 4KTC080L-4(B5)SH II2G Eexd II c T4IP56, Công suất: 0.75kw - 4 cực, space heater: cuộn sấy trong motor, Thermistor protection: sensor nhiệt bảo vệ quá dòng, Điện áp 3 pha 380VAC 50Hz, class F, IP56	Cái	1	08/2015	
195	Chưa có mã	Thép tấm, kích thước: 12x2000x5270	Tấm	1	08/2015	
196	Chưa có mã	Thép tấm, kích thước: 12x2290x2080	Tấm	1	08/2015	
197	Chưa có mã	Thép tấm, kích thước: 16x2000x3000	Tấm	1	08/2015	
198	Chưa có mã	Thép tấm, kích thước: 25x2000x3000	Tấm	1	08/2015	
199	Chưa có mã	Thép tấm, kích thước: 6x2260x2440; 6x2400x2300; 6x2300x2200; 6x2000x1500.	Tấm	4	08/2015	
200	Chưa có mã	175/250AT MCCB 3P- Schneider	Cái	4	08/2015	
201	Chưa có mã	70/100A MCCB 3P - Schneider-NSX 100B-Without Accesorry	Cái	4	08/2015	
202	Chưa có mã	Copper bus bar 3P + N (Thanh cái đồng 3P + N, 4 thanh mỗi bộ)	Bộ	2	08/2015	
203	Chưa có mã	Thanh gỗ kê, 1.2m	Cái	125	08/2015	
204	Chưa có mã	Dầm thép H300, 6m/length	Cái	30	08/2015	
205	Chưa có mã	U-BOLT (bu lông hình chữ U) M16 for 8" c/w sheath. ASTM A36 GALVANIZED Sheath - NEOPRENE	Bộ	42	08/2015	
206	Chưa có mã	U-BOLT (bu lông hình chữ U) M16 for 6 " c/w sheath, 4 nuts. ASTM A36 GALVANIZED Sheath - NEOPRENE	Bộ	4	08/2015	
207	Chưa có mã	Isolator (tấm cách điện, nhiệt) 6mm THK (White PTFE) SIZE: 2m X 1m, 0.5mx1m	Tấm	2	08/2015	
208	Chưa có mã	Beam (dầm thép) H 148x100x6x9 mm	m	9,1	08/2015	
209	Chưa có mã	Beam (dầm thép) H 150x150x7x10 mm	m	5,5	08/2015	
210	Chưa có mã	Beam (dầm thép) U 150x75x6.5x10 mm	m	65,9	08/2015	
211	Chưa có mã	Thép V 150x150x12 mm	m	6	08/2015	
212	Chưa có mã	Thép V 100x100x10 mm A36	m	28,5	08/2015	
213	Chưa có mã	Beam (dầm thép) Hình 200x100x5.5x8 mm	m	36,1	08/2015	

STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
214	Chưa có mã	Beam (dầm thép) Hình 200x200x8x12 mm	m	13,5	08/2015	
215	Chưa có mã	Beam (dầm thép) U200x80x7.5x11 mm	m	2	08/2015	
216	Chưa có mã	Beam (dầm thép) U294x200x8x12 mm	m	12	08/2015	
217	Chưa có mã	Plate (thép tấm) 10 mm THK A304-Size: 0.9mx1.1m	Tấm	1	08/2015	
218	Chưa có mã	Plate (thép tấm) 12 mm THK A304, Size: 1.5mx3.5m	Tấm	1	08/2015	
219	Chưa có mã	Plate (thép tấm) 12 mm THK A36, Size: 2mx2.5m, 1mx1.8m	Tấm	2	08/2015	
220	Chưa có mã	Khóa CB, Việt Tiếp	Cái	202	08/2015	
221	Chưa có mã	Male connector(cực nối đầu đực) size 3/8"OD x 1/2"NPT, SS316, P/N CMC 6-8N-S316, Hy-lok/Korea	Cái	2	08/2015	
222	Chưa có mã	Reducer (Hex brushing) (cực nối giảm)3/4" MNPT-1/2"FNPT, 316SS, P/N: SHB-12-8N, Hy-lok/Korea	Cái	1	08/2015	
223	Chưa có mã	Ball valve (van bi) 3/8" OD, SS316, P/N: HB2H-6T, Hy-lok/Korea	Cái	1	08/2015	
224	Chưa có mã	Hex head plug (đầu bịt lục giác) 1/4" NPT, SS316, Hy-lok/Korea	Cái	3	08/2015	
225	Chưa có mã	SS Swagelok Tube Fitting, Reducing Union (cực nối giảm), 1/2 inch x 1/4 inch Tube OD, P/N:SS-810-6-4, Swagelok/EU/G7	Cái	1	08/2015	
226	Chưa có mã	SS Swagelok Tube Fitting, Reducing Union (cực nối giảm), 1/2 inch x 3/8 inch Tube OD, P/N:SS-810-6-6, Swagelok/EU/G7	Cái	2	08/2015	
227	Chưa có mã	SS Tube fitting, Union Tee(cực nối 3 chạc), 1/2 inch Tube OD, P/N: ss-810-3, Swagelok/EU/G7	Cái	1	08/2015	
228	Chưa có mã	Stainless Steel Pipe Fitting, Tee(cực nối 3 chạc), 1/2 inch, Female NPT, SS316, 5.600PSI, P/N: SS-8-T, Swagelok/EU/G7	Cái	1	08/2015	
229	Chưa có mã	SS Swagelok Tube Fitting, Bulkhead Male Connector (cực nối đầu đực), 1/2 inch Tube OD x 1/2 inch Male NPT, P/N: SS-810-1-8, Swagelok/EU/G7	Cái	5	08/2015	
230	Chưa có mã	Connector 1/2" male JIC x 1/2" male JIC (cực nối đầu đực), SS316L, WP 1000 PSI, P/N: 10NPHS8JM, PASCAL/SINGAPORE	Cái	10	08/2015	
231	Chưa có mã	Hex head plug (đầu bịt lục giác) 3/8" NPT, P/N: H-SPB-6N, SS316, Hy-lok/Korea	Cái	1	08/2015	
232	Chưa có mã	Tee Female (cực nối ba chạc đầu cái)SS316 1/2 Female, WP: 10000PSI, P/N: 10TEFS8NF, PASCAL SINGAPORE	Cái	2	08/2015	
233	Chưa có mã	Hex coupling (cực nối lục giác) 10000 PSI, SS316, 1/2" NPTF P/N: 10CPHS8NF PASCAL SINGAPORE	Cái	2	08/2015	

STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
234	Chưa có mã	Two-Way Ball Valve(van bi hai chiều đầu cái) 1/2" Female, WP10K PSI, SS316, P/N: HBC 11A, SAMMY ITALIA	Cái	1	08/2015	
235	Chưa có mã	Ball valve (van bi đầu cái) 1/2 inch Female NPT, 6000 PSI, P/N: SS-83KF8, Swagelok/EU	Cái	1	08/2015	
236	Chưa có mã	1/2NPT Female 10K needle valve(van kim đầu cái) SS316, 10.000PSI, P/N: HNVS8FFHP, Parker/EU/G7	Cái	1	08/2015	
237	Chưa có mã	1/2"NPTF x 3/4"NPTM Connector(cục nối 1 đầu đực 1 đầu cái), 10000PSI, SS316, EU/G7	Cái	2	08/2015	
238	Chưa có mã	Plug (đầu bịt) 1/2 NPT	Cái	5	08/2015	
239	Chưa có mã	Regulator (đồng hồ đo áp)(0-25bar)	Cái	2	08/2015	
240	Chưa có mã	Ổ cắm đa năng công nghiệp loại 1 pha (2P+E) 220V-16A, IP-44, có 3 đầu (đầu 1 là dây điện nguồn đến, đầu 2 và 3 là 2 ổ cắm (2P+E) 220V- 16A, IP-44), Himel/China	Cái	4	08/2015	
241	Chưa có mã	PIPE SEMPERIT (ống thủy lực) 1/2" 4SP (420bar / 6090psi), with connector 1/2 NPT male carbon Steel, 20mL/set, Semperit Austria/Thailand + 02 Female connector size 1/2" X 1/2" NPT F, SS316, PIN: SS-810-7-8, Swagelok/EU /G 7	Cuộn	1	08/2015	
242	Chưa có mã	Dụng Cụ Y tế (Đồ cứu Thương, Đồ nẹp chân)	Bộ	1	08/2015	
243	Chưa có mã	1.1/2" PIPE (ống thép công nghệ) ASME SCH160 PE SMLS A106-B, ASME B36.10M, 6000/Length, HN: J7L7186	Ống	1	08/2015	
244	Chưa có mã	2" PIPE (ống thép công nghệ) ASME XS BE SMLS API5L-B-PSL.2, 6000/Length, HN: J6KB706	Ống	2	08/2015	
245	Chưa có mã	1.1/2" FLANGE(mặt bích) SW SCH160 RF 600# A105, ASME B16.5, HN: B37A4	Cái	4	08/2015	
246	Chưa có mã	2" 90 ELBOW (co nối ống)XS BW SMLS A234 - WPB, ASME B16.9, HN: 603881	Cái	7	08/2015	
247	Chưa có mã	1.1/2" 90 ELBOW (co nối ống)6000# SW A105, ASME B16.11, HN: H53	Cái	1	08/2015	
248	Chưa có mã	1.1/2" 90 ELBOW(co nối ống) 3000# SW A105, ASME B16.11, HN: H73	Cái	1	08/2015	
249	Chưa có mã	2" TEE (ba chạc nối ống) SCH 80 BW SMLS A234-WPB, ASME B16.9, HN: 615M38	Cái	1	08/2015	
250	Chưa có mã	2"x 1.1/2" SWAGE CON (nối ống giảm đồng tâm) SCH 80 BLE/PSE SMLS A234-WPB, ASME B16.11, HN: NT952S	Cái	1	08/2015	
251	Chưa có mã	1/2" x 75mm NIPPLE (đoạn nối ống) L- 75mm SCH160 TBE SMLS A53- B(GALV), HN: 117870	Cái	1	08/2015	

STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
252	Chưa có mã	3/4" x 75mm NIPPLE (đoạn nối ống) L-75mm SCH160 POE/TOE SMLS A106-B, ASME B36.10M, HN: 169923	Bộ	1	08/2015	
253	Chưa có mã	1/2" GATE (van cổng) 800# SW/NPT A105/13Cr BB OS&Y; Spec: API 602, HN: B136F, B235F	Cái	2	08/2015	
254	Chưa có mã	3/4" GATE (van cổng) 800# NPT A105/13Cr BB OS&Y; Spec: API 602, HN: B035F	Cái	1	08/2015	
255	Chưa có mã	2" BALL VALVE (van bi) 600# RF, A216 WCB/304 + RTFE FULL FLOATING F.S.S API 6D, T SPLIT BODY, D3P-CS, API 6D, HN: B3084	Cái	1	08/2015	
256	Chưa có mã	3/4" x 115 mm BOLT/NUT (bu lông) STUD/HEX A193-B7(HDGV)/A194-2H(HDGV), ASME B18.2.1/2, HN: LS1605020612-0394	Bộ	8	08/2015	
257	Chưa có mã	5/8" x 100 mm BOLT/NUT (bu lông) STUD/HEX A193-B7(HDGV)/A194-2H(HDGV), ASME B18.2.1/2, HN: LS1605020612-0394	Bộ	8	08/2015	
258	Chưa có mã	5/8" x 115 mm BOLT/NUT (bu lông) STUD/HEX A193-B7(HDGV)/A194-2H(HDGV), ASME B18.2.1/2, HN: LS1605020612-0394	Bộ	16	08/2015	
259	Chưa có mã	5/8" x 135 mm BOLT/NUT (bu lông) STUD/HEX A193-B7(HDGV)/A194-2H(HDGV), ASME B18.2.1/2, HN: LS1605020612-0394	Bộ	16	08/2015	
260	Chưa có mã	5/8" x 145 mm BOLT/NUT (bu lông) STUD/HEX A193-B7(HDGV)/A194-2H(HDGV), ASME B18.2.1/2, HN: LS1605020612-0394	Bộ	48	08/2015	
261	Chưa có mã	Đầu cáp vụn sau khi làm dầu cáp đầu nối (22KV, Cáp hạ thế, cáp điện điều khiển nhà máy GPP)	Kg	72190	08/2015	
262	Chưa có mã	Xà gỗ thi công kho lạnh (còn dư thu hồi)	thanh	6	08/2015	
263	Chưa có mã	Rỗ chứa vật tư	Cái	15	08/2015	
264	Chưa có mã	Bạt che	Cái	30	08/2015	
265	Chưa có mã	Valve (van bi) 2"	Cái	2	08/2015	
266	Chưa có mã	Side glass (thiết bị nhìn dòng chảy trong ống) 2"	Cái	1	08/2015	
267	Chưa có mã	Dây hot oil (Dây dẫn dầu nóng) 2"	Dây	6	08/2015	
268	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 1.1/2" #300	Cái	4	08/2015	
269	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 1" #600	Cái	10	08/2015	
270	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 1.1/2" #150	Cái	9	08/2015	
271	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 1" #150	Cái	20	08/2015	
272	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 1" #300	Cái	12	08/2015	
273	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 10" #300	Cái	3	08/2015	
274	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 10" #150	Cái	10	08/2015	
275	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 8" #300	Cái	3	08/2015	
276	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 6" #300	Cái	2	08/2015	
277	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 4" #300	Cái	2	08/2015	
278	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 4" #150	Cái	10	08/2015	



STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
279	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 3" #300	Cái	3	08/2015	
280	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 2" #300	Cái	22	08/2015	
281	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 3/4" #300	Cái	3	08/2015	
282	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 3/4" #150	Cái	19	08/2015	
283	Chưa có mã	Gasket (tấm đệm) 1/2" #300	Cái	9	08/2015	
284	Chưa có mã	Valve (van) 1/2"	Cái	10	08/2015	
285	Chưa có mã	Tee (ba chạc) 1/2"	Cái	3	08/2015	
286	Chưa có mã	Male connector (cực nối đầu đực) 1/2"	Cái	25	08/2015	
287	Chưa có mã	Connector (cực nối) 1/2"	Cái	12	08/2015	
288	Chưa có mã	Nipple (núm nối) 1/2"	Cái	6	08/2015	
289	Chưa có mã	Plug (đầu bịt) 1/2"	Cái	3	08/2015	
290	Chưa có mã	Plug (đầu bịt) 3/4"	Cái	3	08/2015	
291	Chưa có mã	Cáp điện 3x16sqmm2+ex10sqmm2	m	1000	08/2015	
292	Chưa có mã	Cable gland (kẹp cáp điện) M32 chống nước, CX M32	Cái	4	08/2015	
293	Chưa có mã	Cable gland (kẹp cáp điện) M32 thường, INERIS M32	Cái	3	08/2015	
294	Chưa có mã	Cable gland (kẹp cáp điện) M20 chống nước, CX M20	Cái	58	08/2015	
295	Chưa có mã	Cable gland (kẹp cáp điện) M20 thường, INERIS M20	Cái	12	08/2015	
296	Chưa có mã	Adapter (ống nối) M20x1/2"NPT, CMP	Cái	10	08/2015	
297	Chưa có mã	Đèn pha chiếu sáng thi công (150W+250W)	Cái	95	08/2015	
298	Chưa có mã	Co, 90 độ, 2inch, mạ kẽm, ren trong, #3000, A105, HN:AJ278	Cái	55	08/2015	
299	Chưa có mã	Dây hơi gió đá, 100M/cuộn, Model: PN-1/4 -RG	cuộn	1	08/2015	
300	Chưa có mã	Đồng hồ oxy	cái	3	08/2015	
301	Chưa có mã	Chuôi cầm dây hàn vào cực máy hàn	cái	15	08/2015	
302	Chưa có mã	Mỏ cắt ga ôxy	cái	1	08/2015	
303	Chưa có mã	Van chống cháy ngược oxy	cái	7	08/2015	
304	Chưa có mã	Van chống cháy ngược ga	cái	7	08/2015	
305	Chưa có mã	Bếp cắt gió đá	cái	5	08/2015	
306	Chưa có mã	Đinh vít khoan sắt, 6x40	con	6000	08/2015	
307	Chưa có mã	Đinh vít khoan sắt, 6x40	con	1500	08/2015	
308	Chưa có mã	Ống nhựa mềm fi 27, 50m/cuộn	Cuộn	1	08/2015	
309	Chưa có mã	Thép tấm, kt:8x6000x1500	Tấm	1	08/2015	
310	Chưa có mã	Anchor bolt (bu lông móng) for Truck Loading Arm c/w 1 square washer, 2 Hex Nut, type 1b ASTM A307/ ASTM A563M-Size: M24x700	Bộ	1	08/2015	
311	Chưa có mã	ReBar (thanh thép tròn), CB400V, POMINA, Size: Ø20x11.7m	Cây	210	08/2015	
312	Chưa có mã	ReBar (thanh thép tròn), CB400V, Size: Ø28x11.7m/Length	Cây	12	08/2015	
313	Chưa có mã	ReBar (thanh thép tròn), CB400V VNS, Size: Ø25x11.7m/Length	Cây	3	08/2015	
314	Chưa có mã	Trụ cổng hàng rào KT 300x300x6000mm thẳng thép v5	Trụ	4	08/2015	
315	Chưa có mã	Ống nhựa Bình Minh Ø21, dài 4m	Ống	50	08/2015	
316	Chưa có mã	Thép tấm Inox, kích thước-12x1500x4000; 10x1500x3500	Tấm	2	08/2015	



STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
317	Chưa có mã	Thép tấm, kích thước: 22x1500x6000	Tấm	1	08/2015	
318	Chưa có mã	Bàn nhân viên 1200x600x750	Cái	3	08/2015	
319	Chưa có mã	Ghế phòng họp VT1	Cái	37	08/2015	
320	Chưa có mã	Bàn phòng ăn	Cái	25	08/2015	
321	Chưa có mã	Ghế ăn G06	Cái	88	08/2015	
322	Chưa có mã	Máy in A4 đen trắng HP M401DNE	Cái	4	08/2015	
323	Chưa có mã	Bình nước nóng lạnh Kangaroo KG49	Cái	2	08/2015	
324	Chưa có mã	Bàn nhân viên 1200x600x750	Cái	5	08/2015	
325	Chưa có mã	Giường Y tế	Cái	2	08/2015	
326	Chưa có mã	Máy Photocopy Ricoh MP4054SP	Cái	2	08/2015	
327	Chưa có mã	Bình chữa cháy C02 5kg	Cái	8	08/2015	
328	Chưa có mã	Máy ảnh Canon Ixus 170	Cái	3	08/2015	
329	Chưa có mã	Thiết bị thu phát vô tuyến Meraki MR32-HW	Cái	10	08/2015	
330	Chưa có mã	Thiết bị biến đổi điện 552-POE 314-1AT-12	Cái	10	08/2015	
331	Chưa có mã	Máy in phun màu EPSONL 1800	Cái	1	08/2015	
332	Chưa có mã	Máy in A4 đen trắng HP M401DNE	Cái	1	08/2015	
333	Chưa có mã	Bình thủy điện Sharp KP-Y32PV 3L	Cái	2	08/2015	
334	Chưa có mã	Máy fax KX-FP701 (Panasonic)	Cái	1	08/2015	
335	Chưa có mã	Thước kẹp điện tử Mitutoyo 0-200, Model 500-197-30 (hoặc 500-182-30), Japan	Cái	3	08/2015	
336	Chưa có mã	Máy đo khí độc	Cái	1	08/2015	
337	Chưa có mã	Máy đo dư lượng Nitrat	Cái	1	08/2015	
338	Chưa có mã	Thiết bị bên trong tủ hòa mạng internet(Server). Bao gồm: Switch 2960-x, Router 2911, Tường lửa-Fortinet Fortage 100D, PePlink)	Bộ	1	08/2015	
339	Chưa có mã	Màn hình Tivi Sam Sung 32 inch	Cái	1	08/2015	
340	Chưa có mã	Sysnology (ổ lưu trữ mạng)	Cái	1	08/2015	
341	Chưa có mã	Bộ máy tính HP Pavilion	Cái	1	08/2015	
342	Chưa có mã	Đồng hồ đo điện trở KEW 4105A (Bao gồm : Certificate of conformity, 2 cọc thép, 3 sợi dây đo)	Cái	1	08/2015	
343	Chưa có mã	Máy kiểm tra huyết áp OMRON	Cái	2	08/2015	
344	Chưa có mã	Đồng hồ kiểm tra cách điện (Bao gồm : Certificate of conformity, 2 bộ đo)	Cái	1	08/2015	
345	Chưa có mã	Đồng hồ Amper kim (bao gồm : 1 bộ dây đo)	Cái	1	08/2015	
346	Chưa có mã	Camera LG	Cái	4	08/2015	
347	Chưa có mã	Đèn pin chống cháy nổ 722	Cái	4	08/2015	
348	Chưa có mã	Bộ đàm chống cháy nổ	Cái	6	08/2015	
349	Chưa có mã	Switche D-Link (Bộ phân chia kết nối mạng internet)	Cái	8	08/2015	
350	Chưa có mã	Hộp ODF đầu nối Quang VNPT, bao gồm: Switch POE: 2, Switch Cisco 8 Port: 1, Converter Quang: 5	Bộ	1	08/2015	
351	Chưa có mã	Điện thoại chống cháy nổ Smart Ex01	Cái	1	08/2015	
352	Chưa có mã	Máy tính xách tay Dell Inspiron 7548-Core k7	Cái	1	08/2015	
353	Chưa có mã	Máy tính xách tay chống cháy nổ	Cái	1	08/2015	
354	Chưa có mã	Máy tính xách tay Dell	Cái	4	08/2015	



STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
355	Chưa có mã	Máy tính xách tay HP Elitebook HP 840G1-Core i5	Cái	23	08/2015	
356	Chưa có mã	Thước kiểm tra mối hàn đa năng (Thước cò mổ) WGU-7M, Japan	Cái	2	08/2015	
357	Chưa có mã	Thước đo độ lệch mép ống Hi-lo CA#2 - USA	Cái	1	08/2015	
358	Chưa có mã	Máy đo nhiệt độ bằng hồng ngoại EXTECH 42512 (-50 đến 1000°C, 2 tia laser), EXTECH - Mỹ	Cái	2	08/2015	
359	Chưa có mã	Máy đo sơn khô 456 A456CFBS ELCOMETER 456 FERROUS	Cái	2	08/2015	
360	Chưa có mã	Thước đo độ dày sơn ướt bằng thép không rỉ B112-1B	Cái	2	08/2015	
361	Chưa có mã	Thước kẹp điện tử Mitutoyo 0-200, Model 500-197-30 (hoặc 500-182-30), Japan	Cái	2	08/2015	
362	Chưa có mã	Máy bộ đàm Motorola XIR P6620i TIA-1950 chống cháy nổ 156 kênh 5W VHF	Cái	4	08/2015	
363	Chưa có mã	Bộ đàm Motorola thường	Cái	8	08/2015	
364	Chưa có mã	Hệ thống điện tạm(Bao gồm 2 máy biến thế 1000 KVA, 2 tủ điện phân phối và phụ kiện)	Bộ	1	08/2015	
365	Chưa có mã	Case Dell Vostro core i7(Cây máy tính để bàn)	Cái	1	06/2015	
366	Chưa có mã	Case HP Pavilion core i5(Cây máy tính để bàn)	Cái	1	06/2015	
367	Chưa có mã	Case HP Pavilion core i3(Cây máy tính để bàn)	Cái	2	06/2015	
368	Chưa có mã	Case HP 280 Series core i3(Cây máy tính để bàn)	Cái	1	06/2015	
369	Chưa có mã	Màn hình LCD 15inch	Cái	2	06/2015	
370	Chưa có mã	Màn hình LCD Viewsonic 19.5&15inch	Cái	12	06/2015	
371	Chưa có mã	Switch Cisco 48 cổng(Thiết bị chia cổng kết nối Internet)	Cái	2	06/2015	
372	Chưa có mã	Firewall Sophos(tường lửa an ninh mạng internet)	Cái	1	06/2015	
373	Chưa có mã	Tổng đài điện thoại/nội bộ Panasonic	Bộ	1	06/2015	
374	Chưa có mã	Bộ khuếch đại AMLY TOA A2240	Cái	1	06/2015	
375	Chưa có mã	Bộ phát micro không dây -APP K6000	Cái	1	06/2015	
376	Chưa có mã	Máy đo độ gió, độ ẩm, ánh sáng Lutron LM8000A	Cái	1	06/2015	
377	Chưa có mã	Kệ sắt rỗng	Cái	28	06/2015	
378	Chưa có mã	Tủ Rack Wall mount (treo tường)	Cái	1	06/2015	
379	Chưa có mã	Tủ Rack đứng	Cái	1	06/2015	
380	Chưa có mã	Máy xi khô áp lực Fujima F 014	Cái	1	06/2015	
381	Chưa có mã	Màn hình 19.5"	Cái	1	06/2015	
382	Chưa có mã	Case HP Pavilion core i3(Cây máy tính để bàn)	Cái	2	06/2015	
383	Chưa có mã	Bộ phát wifi TP link TL WR940N	Cái	1	06/2015	
384	Chưa có mã	Bộ phát wifi Asus RT	Cái	1	06/2015	
385	Chưa có mã	Máy ảnh Sony W800	Cái	1	06/2015	
386	Chưa có mã	Máy in HP pro 400 series (401dn)	Cái	1	06/2015	
387	Chưa có mã	Máy in HP laserjet pro 201	Cái	1	06/2015	
388	Chưa có mã	Máy fax Panasonic FL-422	Cái	1	06/2015	

STT	Mã quản lý/ Mã số TS	Tên hàng hóa/Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
389	Chưa có mã	Switch Draytech Vigor (bộ phát Wifi)	Cái	1	06/2015	
390	Chưa có mã	Dây tín hiệu từ bộ khuếch đại đến các loa	Cuộn	1	06/2015	
391	Chưa có mã	Bộ xét nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm FT05	Cái	1	06/2015	
392	Chưa có mã	Bộ đàm Motorola XIR 6620i	Cái	10	06/2015	
393	Chưa có mã	Điện thoại CCN Ex-handy 09	Cái	2	06/2015	
394	Chưa có mã	Bồn nhựa Đại Thành cao cấp 2000L	Cái	1	06/2015	
395	Chưa có mã	Bàn làm việc nhân viên	Cái	158	06/2015	
396	Chưa có mã	Hộc bàn di động	Cái	156	06/2015	
397	Chưa có mã	Bàn quản lý	Cái	5	06/2015	
398	Chưa có mã	Bàn lễ tân (2 cái đơn ghép lại)	Cái	1	06/2015	
399	Chưa có mã	Ghế quản lý	Cái	5	06/2015	
400	Chưa có mã	Ghế xoay nhân viên	Cái	145	06/2015	
401	Chưa có mã	Bộ sofa (1 bàn + 2 ghế)	Bộ	5	06/2015	
402	Chưa có mã	Tủ gỗ hồ sơ	Cái	20	06/2015	
403	Chưa có mã	Ghế nhựa thấp	Cái	315	06/2015	
404	Chưa có mã	Ghế nhựa cao	Cái	50	06/2015	
405	Chưa có mã	Ghế phòng họp	Cái	50	06/2015	
406	Chưa có mã	Quạt đứng 5 cánh senko	Cái	2	06/2015	
407	Chưa có mã	Tủ lạnh AQUA	Cái	1	06/2015	
408	Chưa có mã	Máy lạnh LG	Cái	31	06/2015	
409	Chưa có mã	Bộ lọc nước trực tiếp 3 lõi	Cái	1	06/2015	
410	Chưa có mã	Máy xóc tím	Cái	1	06/2015	
411	Chưa có mã	Tủ (thuốc) inox y tế	Cái	1	06/2015	
412	Chưa có mã	Máy đo huyết áp	Cái	1	06/2015	
413	Chưa có mã	Bộ nồi hấp dụng cụ y tế (1 nồi+ 1 bếp từ)	Cái	1	06/2015	
414	Chưa có mã	Ghế inox lễ tân	Băng	2	06/2015	
415	Chưa có mã	Quạt dân dụng	Cái	2	06/2015	
416	Chưa có mã	Ổ chia Internet	Cái	2	06/2015	
417	Chưa có mã	Điện thoại để bàn	Cái	1	06/2015	
418	Chưa có mã	Hộp đầu nối dây internet	Cái	1	06/2015	
419	Chưa có mã	Đèn cao áp 250-400W	Cái	21	06/2015	
420	Chưa có mã	Đèn cao áp 1000W	Cái	3	06/2015	
421	Chưa có mã	Cây nóng lạnh	Cái	1	06/2015	
422	Chưa có mã	Bàn thờ Bác	Cái	1	06/2015	
423	Chưa có mã	Cục lưu điện	Cái	1	06/2015	
424	Chưa có mã	Đồng hồ điện	Cái	1	06/2015	
425	Chưa có mã	Phông rèm Bác Hồ	Cái	1	06/2015	
426	Chưa có mã	Hộc bàn di động	Cái	16	06/2015	
427	Chưa có mã	Ghế nhân viên	Cái	26	06/2015	
428	Chưa có mã	Bàn nhân viên	Cái	20	06/2015	
429	Chưa có mã	Vách ngăn bàn	Cái	20	06/2015	
430	Chưa có mã	Mặt bàn họp nhỏ	Cái	4	06/2015	
431	Chưa có mã	Camera VanTech	Cái	2	06/2015	
432	Chưa có mã	Camera HIK Vesion	Cái	4	06/2015	
433	Chưa có mã	Case HP Core Duo2 (Cây máy tính để bàn)	Cái	1	06/2015	
434	Chưa có mã	Máy in A3 HP laser pro M706N	Cái	1	06/2015	